

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN HÒA VANG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 24-9-2020  
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**N D A N H**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh

*Các Hội thẩm Nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Nguyễn Văn Gạt

**- Thư ký Phiên tòa:** Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia Phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại Phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ H và ông Nguyễn Ngọc P xây dựng gia đình năm 4, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn P, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến tháng 3/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng hay cãi vã. Ông P không tin tưởng tình cảm của bà H, nhiều lần xúc phạm, lăng mạ bà H và ghen tuông vô cớ. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, từ tháng 3/2020 bà H đưa con nhỏ về nhà cha mẹ sống riêng đến nay, hiện hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay bà H xác định không còn tình cảm thương yêu ông P nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc P.

Về quan hệ con chung: Bà H và ông P có 03 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 30/3/4, Nguyễn Thị M, sinh ngày 15/6/6 và Nguyễn C, sinh ngày 17/7/11. Ly hôn, bà H xin trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi; yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng). Nếu cả ba con đồng ý ở với ông P thì bà giao cho ông P nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng).

Về quan hệ tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà H xác định giữa bà và ông P không có nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/7/2020, biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2020 các biên bản hòa giải và tại Pên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày:*

Về quan hệ hôn N: Ông Nguyễn Ngọc P xác nhận và thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian xây dựng gia đình, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, địa điểm sinh sống là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến công việc của vợ chồng nên hai người thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông P nghi ngờ bà H ngoại tình, không chung thủy nên hai bên có xảy ra xô xát nhau. Từ tháng 3/2020 đến nay, bà H đưa con nhỏ về nhà cha mẹ sống riêng, hai người không còn qua lại với nhau, không còn quan tâm nhau. Mặc dù vậy nhưng ông P xác định vẫn còn tình cảm thương yêu bà H nên xin Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Ông P xác nhận giữa ông và bà H có 03 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 30/3/4, Nguyễn Thị M, sinh ngày 15/6/6 và Nguyễn C, sinh ngày 17/7/11. Ông P không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung. Trong trường hợp, bà H cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Thị M và Nguyễn C đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng). Nếu các con đồng ý ở với bà H thì ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng, nhưng hiện ông không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H.

Về quan hệ tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông P xác nhận giữa ông với và bà H không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Pên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56; khoản 1 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn N và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H đối với ông Nguyễn Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn N: Cho bà Trần Thị Lệ H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc P

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 15/6/6 và Nguyễn C, sinh ngày 17/7/11 cho bà Trần Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi

Giao con chung Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 30/3/4 cho ông Nguyễn Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000 đồng (tương ứng 500.000đ/con/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí:

Án phí hôn N gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị Lệ H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Ngọc P phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu Tòa án N dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc P; trú tại: Thôn P, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà H là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà Trần Thị Lệ H và ông Nguyễn Ngọc P xác lập quan hệ hôn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng vào năm 4 nên đây là quan hệ hôn N hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N, cả bà H và ông P đều thừa nhận do vợ chồng hay cãi vã, ghen tuông, nghi ngờ nhau không

chung thủy, dẫn đến xô xát, sự việc kéo dài nên hai người không còn sống chung, không còn qua lại hỏi thăm nhau, bà H đã dẫn con Nguyễn C về nhà cha mẹ sinh sống và hai người đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà H xác định không còn tình cảm thương yêu ông P, ông P cho rằng còn tình cảm và xin được đoàn tụ. Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng đến nay hai người vẫn không có tiếng nói chung, ông P không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm, bà H không muốn kéo dài cuộc sống chung vợ chồng với ông Nguyễn Ngọc P. Ý kiến của bà H và ông P phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà ông P, bà H cung cấp, cũng như biên bản xác minh tại địa phương và quá trình tranh luận tại Tòa án.

Điều đó chứng minh rằng, giữa bà H và ông P không có đời sống hôn nhân hạnh phúc, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc xin ly hôn của bà H đối với ông P là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] Bà H và ông P xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 30/3/4, Nguyễn Thị M, sinh ngày 15/6/6 và Nguyễn C, sinh ngày 17/7/11. Ly hôn cả bà H và ông P xin được trực tiếp nuôi ba con chung, nhưng trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các con để quyết định.

Xét nguyện vọng của bà H và ông P thì thấy: Cả bà H và ông P đều có quyền, nghĩa vụ đối với các con, cũng như có quyền nuôi con; qua xác minh thì vợ chồng ông P và bà H có việc làm và thu nhập ở mức trung bình tại địa phương.

Bà H, ông P đều giao quyền lựa chọn việc các con ở với ba hay mẹ, các con hiện đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với bà H. Mặc dù vậy, nhưng với điều kiện của bà H và ông P hiện nay thì không thể giao cả ba con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng được, mà việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con. Cháu N đã trên 16 tuổi, là con trai và con lớn trong gia đình nên giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn. Đối với cháu Duyên là con gái đang bước vào lứa tuổi phát triển nên cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ; đối với cháu Cường bị hạn chế khả năng nhận thức, sau khi ly thân bà H đã dẫn cháu về nhà cha mẹ sinh sống nên việc giao cháu Duyên và Cường cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông P nuôi một con, bà H nuôi dưỡng hai con nên ông P phải có thêm một phần trách nhiệm để bà H có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn, mức cấp dưỡng phụ thuộc vào tình hình, điều kiện thực tế, thu nhập của ông P nhưng phải đáp ứng được phần nào cuộc sống, học tập cho các con. HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho hai con Nguyễn Thị M và Nguyễn C (mỗi con 500.000đ/tháng) là hợp lý. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí Hôn N gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Lệ H phải chịu theo quy định. Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông P phải chịu theo quy định của pháp luật

[4] Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn N và Gia đình; Điều 147, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H đối với ông Nguyễn Ngọc P về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

**1.** Về quan hệ hôn N: Cho bà Trần Thị Lệ H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc P.

**2.** Về quan hệ con chung:

Giao con Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 30/3/4 cho ông Nguyễn Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con Nguyễn Thị M, sinh ngày 15/6/6 và Nguyễn C, sinh ngày 17/7/11 cho bà Trần Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt mỗi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Buộc ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Thị M và Nguyễn C mỗi tháng 1.000.000 đồng (mỗi con 500.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt mỗi con đủ 18 tuổi.

Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc N.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

**3.** Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

**5. Về án phí:**

Bà Trần Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn N gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại biên lai thu số 00000282 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà H đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng.

**6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/9/2020.**

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa Phiên tòa**

**Nguyễn Thế Anh**